

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2019

**THÔNG BÁO**  
**XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2018**

Đơn vị được thông báo: Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh  
Mã chương: 012

Căn cứ Thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2018 của Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 15/05/2019 giữa Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh và Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Bộ Nông nghiệp và PTNT thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2018 (không bao gồm Quyết toán Vốn đầu tư xây dựng cơ bản) của Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh như sau:

**I. Phần số liệu:**

**1. Số liệu quyết toán:**

a, Thu phí, lệ phí:

b, Quyết toán chi ngân sách:

Đơn vị tính: Đồng

<b>b.1. Số dư năm trước chuyển sang</b>	<b>10.000.000.000</b>
<b>b.2. Dự toán được giao trong năm:</b>	<b>35.340.936.000</b>
<i>Trong đó:</i>	
<b>b.2.1. Nguồn ngân sách nhà nước</b>	<b>25.340.936.000</b>
+ Loại 070-093	14.900.936.000
+ Loại 070-093 (MSCT: 0700-0709)	10.000.000.000
+ Loại 070-098	440.0000.00
<b>1. Kinh phí thường xuyên</b>	<b>18.700.936.000</b>
- Kinh phí chi thường xuyên (bao gồm cả điều chỉnh tăng lương từ 1.300.000 đồng lên 1.390.000 đồng)	13.873.326.000
- Kinh phí cấp bù học phí theo Nghị định 86/NĐ-CP	4.409.570.000

- Hỗ trợ chính sách nội trú theo QĐ 53/QĐ-TTg	114.040.000
- Hỗ trợ học bổng học sinh thuộc diện chính sách XH theo Thông tư số 53/1998/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT và XH	304.000.000
<b>2. Kinh phí không thường xuyên</b>	<b>16.640.000.000</b>
<b>+ Loại 070-093</b>	<b>6.200.000.000</b>
- Sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ + Mua sắm TS	5.900.000.000
- Hỗ trợ đào tạo giáo viên và cán bộ đạt chuẩn, quy định đối với trường nghề chất lượng cao	300.000.000
<b>+ Loại 070-098</b>	<b>440.000.000</b>
- Hỗ trợ luyện thi HSSV tham gia hội thi tay nghề cấp Bộ năm 2018	440.000.000
<b>+ Kinh phí CTMT giáo dục nghề nghiệp năm 2018</b>	<b>10.000.000.000</b>
<b>b.2.3. Phí, lệ phí</b>	<b>0</b>

(Tại các Quyết định giao dự toán số 5513/QĐ-BNN-TC ngày 28/12/2017; 5679/QĐ-BNN-TC ngày 29/12/2017; 729/QĐ-BNN-TC ngày 01/3/2018; 1955/QĐ-BNN-TC ngày 30/5/2018; 3725/QĐ-BNN-TC ngày 25/9/2018; 5075/QĐ-BNN-TC ngày 25/12/2018)

Đơn vị tính: Đồng

<b>b.3. Kinh phí thực nhận trong năm</b>	<b>45.340.936.000</b>
Trong đó:	
<b>b.3.1. Nguồn ngân sách nhà nước</b>	<b>45.340.936.000</b>
+ Loại 070-093	24.900.936.000
+ Loại 070-093 (MSCT: 0700-0709)	20.000.000.000
+ Loại 070-098	440.000.000
<b>1. Kinh phí thường xuyên</b>	<b>18.700.936.000</b>
- Kinh phí chi thường xuyên (bao gồm cả điều chỉnh tăng lương từ 1.300.000 đồng lên 1.390.000 đồng)	13.873.326.000
- Kinh phí cấp bù học phí theo Nghị định 86/NĐ-CP	4.409.570.000
- Hỗ trợ chính sách nội trú theo QĐ 53/QĐ-TTg	114.040.000
- Hỗ trợ học bổng học sinh thuộc diện chính sách XH theo Thông tư số 53/1998/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT và XH	304.000.000
<b>2. Kinh phí không thường xuyên</b>	<b>26.640.000.000</b>

<b>+ Loại 070-093</b>	<b>6.200.000.000</b>
- Sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ + Mua sắm TS	5.900.000.000
- Hỗ trợ đào tạo giáo viên và cán bộ đạt chuẩn, quy định đối với trường nghề chất lượng cao	300.000.000
<b>+ Loại 070-098</b>	<b>440.000.000</b>
- Hỗ trợ luyện thi HSSV tham gia hội thi tay nghề cấp Bộ năm 2018	440.000.000
<b>+ Kinh phí CTMT giáo dục nghề nghiệp (MSCT 0700-0709)</b>	<b>20.000.000.000</b>
<b>b.3.2. Phí, lệ phí</b>	<b>0</b>
<b>b.4. Kinh phí quyết toán</b>	<b>45.340.936.000</b>
Trong đó:	
<b>b.4.1. Nguồn ngân sách nhà nước</b>	<b>45.340.936.000</b>
+ Loại 070-093	24.900.936.000
+ Loại 070-093 (MSCT: 0700-0709)	20.000.000.000
+ Loại 070-098	440.000.000
<b>1. Kinh phí thường xuyên</b>	<b>18.700.936.000</b>
- Kinh phí chi thường xuyên (bao gồm cả điều chỉnh tăng lương từ 1.300.000 đồng lên 1.390.000 đồng)	13.873.326.000
- Kinh phí cấp bù học phí theo Nghị định 86/NĐ-CP	4.409.570.000
- Hỗ trợ chính sách nội trú theo QĐ 53/QĐ-TTg	114.040.000
- Hỗ trợ học bổng học sinh thuộc diện chính sách XH theo Thông tư số 53/1998/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTB và XH	304.000.000
<b>2. Kinh phí không thường xuyên</b>	<b>26.640.000.000</b>
<b>+ Loại 070-093</b>	<b>6.200.000.000</b>
- Sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ + Mua sắm	5.900.000.000
+ Cải tạo nâng cấp nhà giảng đường thư viện số 1	2.950.000.000
+ Cải tạo nâng cấp nhà giảng đường thư viện số 1	2.950.000.000
- Hỗ trợ đào tạo giáo viên và cán bộ đạt chuẩn, quy định đối với trường nghề chất lượng cao	300.000.000
<b>+ Loại 070-098</b>	<b>440.000.000</b>
- Hỗ trợ luyện thi HSSV tham gia hội thi tay nghề cấp Bộ năm 2018	440.000.000
<b>+ Kinh phí CTMT giáo dục nghề nghiệp</b>	<b>20.000.000.000</b>

#### ***b.4.3 Kinh phí hủy tại kho bạc***

2. Tình hình thực hiện các kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: Không có

#### **3. Thuyết minh số liệu quyết toán:**

Kinh phí Quyết toán năm 2018 không tăng, không giảm so với kinh phí ngân sách nhà nước cấp .

4. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

*Đơn vị tính: Đồng*

<b>a.1. Tổng số thu trong năm:</b>	<b>14.188.550.256</b>
+ Hoạt động thu học phí đào tạo chính quy	11.758.765.000
+ Hoạt động sản xuất dịch vụ	1.226.030.000
+ Thu hoạt động tài chính	2.360.300
+ Thu sự nghiệp khác	1.201.394.956
<b>a.2 Chi trong năm:</b>	<b>12.371.460.899</b>
<b>a.3 Chênh lệch thu &gt; chi</b>	<b>1.817.089.357</b>
+ Hoạt động thu học phí đào tạo chính quy	11.758.765.000
+ Hoạt động sản xuất dịch vụ	839.434.601
+ Thu hoạt động tài chính	2.360.300
+ Thu sự nghiệp khác	975.294.456
<b>a.4. Nộp ngân sách</b>	
<b>a.5 Trích lập cải cách tiền lương</b>	
<b>a.6. Trích lập các quỹ</b>	<b>1.817.089.357</b>

### **III. Nhận xét và kiến nghị**

#### **1. Nhận xét**

- Tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo: Đơn vị đã thực hiện đánh giá nhiệm vụ đào tạo theo đúng phân cấp của Bộ.

- Các biểu mẫu quyết toán: Lập đầy đủ số lượng biểu theo quy định.

- Sổ sách kế toán: Mở đầy đủ và theo quy định hiện hành;

- Về các chế độ chính sách của học sinh: Gồm các chế độ sau:

+ Kinh phí miễn giảm cấp bù học phí (theo ND 86/2015/ND-CP): Đơn vị đã tập hợp, lưu trữ đầy đủ hồ sơ, có quyết định của Thủ trưởng đơn vị cho các

đối tượng được hưởng. Có theo dõi số lượng học sinh phát sinh tăng, giảm trong năm.

+ Kinh phí thực hiện chính sách nội trú (theo QĐ 53/2015/QĐ-TTg): Có Quyết định của Thủ trưởng đơn vị, hồ sơ và danh sách đúng đối tượng được hưởng.

+ Kinh phí thực hiện chế độ học bổng và TCXH (theo TT số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC- BLĐTB&XH): Có Quyết định của Thủ trưởng đơn vị, hồ sơ và danh sách đối tượng được hưởng.

- Về mua sắm từ nguồn CTMTQG: Đơn vị thực hiện mua sắm tài sản theo quy định của Luật Đấu thầu, các thiết bị nhập về có đầy đủ CO/CQ, giám định chất lượng chứng minh xuất xứ hàng hóa theo quy định.

- Về thực hiện nội dung SCL, XD nhỏ, mua sắm TSCĐ (*nguồn kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư*): Đơn vị đã có Quyết định phê duyệt quyết toán hạng mục hoàn thành số 5140/QĐ-BNN-TC ngày 26 tháng 12 năm 2018; 641/QĐ-BNN-TC ngày 3 tháng 12 năm 2018.

- Về kinh phí hỗ trợ tổ chức hội thi học sinh giỏi cấp Bộ và luyện thi học sinh giỏi cấp Bộ thực hiện theo dự toán đã được phê duyệt và đúng quy định.

- Về thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ: Đơn vị đã cập nhật vào các văn bản mới về chế độ, định mức chi tiêu vào quy chế chi tiêu nội bộ làm căn cứ thực hiện. Việc sử dụng kinh phí tiết kiệm theo định mức chi quy định tại các văn bản hiện hành.

- Việc thực hiện mua sắm và quản lý tài sản theo đúng hướng dẫn và phân cấp tại Thông tư số 31/2016/BNNPTNT ngày 5/10/2016. Đơn vị đã có báo cáo số liệu biến động tăng, giảm tài sản trong năm theo quy định tại Thông tư số 09/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Về thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định 16/NĐ-CP: Xác định chênh lệch thu chi kinh phí hoạt động thường xuyên và hoạt động dịch vụ là: **1.817.089.357 đồng** được xử lý như sau:

*Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Tổng số	Trong đó			
		Ngân sách	Ngân Sách (cấp bù học phí)	Phí, lệ phí	Nguồn khác
Tổng số chênh lệch hoạt động thường xuyên					1.817.089.357
<i>Trích nguồn cải cách tiền lương</i>					
<i>Trích lập các quỹ</i>					1.817.089.357
- Quỹ ổn định thu nhập					
- Quỹ phúc lợi					687.001.668
- Quỹ khen thưởng					150.000.000
- Quỹ PTHĐ sự nghiệp					980.087.689

## 2. Kiến nghị:

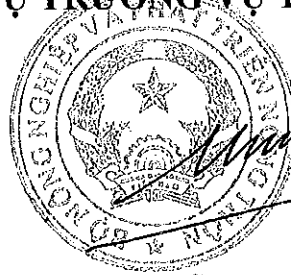
\* Đề nghị đơn vị:

- Công khai số liệu quyết toán NSNN năm 2018 theo quy định hiện hành;
- Biên bản được lập trên cơ sở số liệu và báo cáo quyết toán của đơn vị, Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp của các số liệu trên chứng từ và sổ sách kế toán.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- KBNN (nơi giao dịch);
- Lưu VT, TC.

**TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH**



**Nguyễn Văn Hà**